

Bản án số: 30/2019/DSST  
Ngày 18 tháng 7 năm 2019  
V/v: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản là  
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy Mai

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Chung

Ông Nguyễn Hoàng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Khổng Thị Đức Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:** Bà Bùi Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1946 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện L, Vĩnh Phúc.

**2. Bị đơn:** Ông Phạm Văn G, sinh năm 1952 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện L, Vĩnh Phúc.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1949 (có mặt)

- Bà Phạm Thị A, sinh năm 1952 (vắng mặt)

- Anh Phạm Anh C, sinh năm 1974 (vắng mặt)

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

- Anh Phạm Văn V, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn M, xã N, huyện L, Vĩnh Phúc.

**4. Người làm chứng:**

- Ông Phạm Sơn H1, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn I, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

**5. Người kháng cáo:** Ông Phạm Văn G.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 10 năm 2017 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông và ông Phạm Văn G là hàng xóm. Năm 1978, ông có mua của vợ chồng ông Phạm Sơn H1 và bà Nguyễn Thị O diện tích đất là 12 thước, cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp 4 bốn gian xây gạch lợp lá, cùng sân bãi (ông Phạm Sơn H1 là anh trai của ông Phạm Văn G). Khi mua bán, ông và ông H1 có viết giấy tờ mua bán nhà và có xác nhận của UBND xã N, số tiền mua là 2.500đ, diện tích ghi là 12 thước (nay diện tích đất thực tế đo được là 119.2m<sup>2</sup>). Sau khi mua đất và nhà của ông H1, bà O vợ chồng ông ở trên đất được khoảng 03 năm (từ năm 1978 đến năm 1981) do bị lũ lụt làm đổ nhà tre, nên ông đã mua một nền đất khác và dỡ toàn gạch móng mua của ông H1 chuyển sang đất mới để xây nhà ở cho đỡ bị lụt. Còn diện tích đất vợ chồng ông mua của ông H1 bà O để trồng chuối, nhưng cũng gần đất ông mới mua. Đến năm 1996, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông có đi làm ăn xa tại tỉnh Lào Cai thỉnh thoảng về quê, diện tích đất mua của ông H1 ông để cho gia đình ông G trồng chuối vì liền kề ngay đó. Đến năm 2016, khi vợ chồng ông có nhu cầu lấy lại đất, ông có bảo vợ chồng ông G chặt chuối để trả lại đất cho ông thì ông G đã chặt cây và trả lại đất cho ông. Cũng cùng năm này ông đã xây tường rào để giữ đất hai bên không xảy ra tranh chấp gì, nhưng được một thời gian thì ông G lại đập tường nhà ông G lấy đường xuống thửa đất nhà ông để nuôi gà, anh V trồng chuối trên một phần diện tích đất này.

Khi hai bên xảy ra tranh chấp ông có làm đơn đề nghị UBND xã N giải quyết thì ông mới biết ông G đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả phần diện tích đất ông mua của ông H1. Tại buổi làm việc tại UBND xã N, ông G cũng thừa nhận việc ông mua đất của ông H1, giữa hai thửa đất có ranh giới rõ ràng là tường rào do chính ông G xây. Việc nộp thuế đối với diện tích đất này ông là người nộp thuế cho ông Lê Văn H2 là trưởng thôn thôn M từ năm 2003 đến năm 2014. Từ năm 2014 đến nay diện tích đất này không phải nộp thuế nữa.

Nay ông đề nghị ông G phải tháo dỡ 02 gian chuồng gà để trả lại đất cho ông theo diện tích đo hiện trạng là 119,2m<sup>2</sup> thửa đất số 121.2, tờ bản đồ số 05 tại thôn M, xã N đồng thời ông yêu cầu anh V chặt toàn bộ chuối trồng trên đất của ông.

*Bị đơn ông Phạm Văn G trình bày:*

Bố ông là cụ Phạm Văn B có hai vợ, bà cả là cụ Đặng Thị D, hai cụ sinh được 01 người con là ông Phạm Sơn H1. Bà hai là cụ Đặng Thị E, hai cụ sinh được 03 người con là ông Phạm Nhật H3 (đã mất), bà Phạm Thị T1 và ông. Đối với thửa đất hiện nay ông Đ đang tranh chấp với ông có diện tích trong giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất là 125m<sup>2</sup> (theo số liệu đo thực tế hiện nay còn 119.2m<sup>2</sup>) thửa đất số 121.2, tờ bản đồ số 05 tại thôn M, xã N có nguồn gốc là của bố ông và bà cả là cụ Đặng Thị D để lại cho ông Phạm Sơn H1. Đến năm 1978 vợ chồng ông H1, bà O có bán cho ông C2 là bố của ông Đ 04 gian nhà tre, vợ chồng ông Đ ở được khoảng 02, 03 năm thì chuyển đi nơi khác, sau đó ông là người quản lý diện tích đất đó. Từ năm 1994 ông đi làm kinh tế xa thì mẹ và vợ ông ở nhà đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn cụ thể mẹ và vợ ông kê khai như thế nào ông không rõ. Đến năm 2001 ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông được cấp cũng thể hiện là thửa 121.1 và 121.2. Hiện trạng sử dụng cũng ngăn cách giữa hai thửa đất là tường rào do ông xây.

Diện tích đất phía trên thửa 121.1 là của ông, còn thửa đất 121.2 ông vẫn xác định của bà cả là cụ Đặng Thị D là mẹ đẻ ông Phạm Sơn H1 để lại cho ông H1 và ông H1 có để lại cho mẹ ông là cụ Đặng Thị E và mẹ ông để lại cho ông sử dụng, hiện ông vẫn để đất không, không sử dụng gì và chỉ xây tạm 02 gian chuồng gà lên để nuôi, anh V trồng mấy cây chuối ở góc phía bắc trên diện tích đất này.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu ông trả lại diện tích đất này ông không đồng ý vì ông H1 chỉ bán nhà cho ông Đ chứ không bán đất cho ông Đ. Thửa đất này ông H1 để lại cho mẹ ông và mẹ ông để lại cho ông để thờ cúng anh trai ông là liệt sỹ.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

Bà Lê Thị T trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Đ, bà xác nhận toàn bộ lời trình bày của ông Đ là đúng và không bổ sung gì. Bà yêu cầu ông Phạm Văn G tháo dỡ 02 gian chuồng gà để trả lại đất cho vợ chồng bà là 119,2m<sup>2</sup> tại thửa đất số 121.2, tờ bản đồ số 05 tại thôn M, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bà Phạm Thị A trình bày: Bà là vợ của ông Phạm Văn G, bà xác định về mối quan hệ trong gia đình nhà ông G như ông G trình bày là đúng. Nay ông Đ yêu cầu gia đình bà phải tháo dỡ chuồng gà và trả lại thửa đất 121.2 tờ bản đồ số 05 tại thôn M, xã N bà không đồng ý vì thửa đất này trong gia đình bà xác định để thờ cúng liệt sỹ là ông Phạm Nhật H3 (anh trai của ông G).

Anh Phạm Anh C trình bày: Anh là con trai của ông Phạm Văn G và bà Phạm Thị A, về nguồn gốc diện tích đất hiện nay ông Đ và ông G đang tranh chấp tại thôn M, xã N có nguồn gốc là của ông bà nội anh để lại cho bác anh là ông Phạm Sơn H1 và ông Phạm Nhật H3 (ông H3 đã mất) sau đó ông H1 đi khai hoang vùng kinh tế mới có bán nhà cho bố ông Đ nhưng sau đó ông Đ đã đập nhà đi và bố anh là ông Phạm Văn G sử dụng diện tích đất này. Đến năm 2001 gia đình anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này khi đó anh vẫn sống cùng gia đình và có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình, đến năm 2015 anh mới tách khẩu riêng. Nay ông Đ khởi kiện ông G quan điểm của anh đồng ý với quan điểm của ông G và anh không có yêu cầu gì.

Chị Phạm Thị H trình bày: Chị là con gái của ông Phạm Văn G và bà Phạm Thị A, đối với diện tích đất hiện nay ông Đ và ông G đang tranh chấp tại thôn M, xã N gia đình chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 khi đó chị vẫn có tên trong sổ hộ khẩu gia đình, đến năm 2012 chị mới tách khẩu ở riêng. Nay ông Đ khởi kiện ông G quan điểm của chị đồng ý với quan điểm của ông G và chị không có yêu cầu gì.

Anh Phạm Văn V trình bày: Anh và ông Phạm Văn G có quan hệ anh em (ông nội anh là anh trai của ông G). Về nguồn gốc thửa đất 121 tại thôn M, xã N hiện ông Đ và ông G đang tranh chấp theo anh được biết là của ông Phạm Sơn H1 bán lại cho ông Đ (cụ thể là năm nào anh không rõ) tuy nhiên theo anh được biết ông H1 chỉ bán nhà cho ông Đ mà không bán đất. Sau khi mua nhà của ông H1 xong thì ông Đ dỡ toàn bộ nhà đi nơi khác để lại đất không. Từ trước đến nay anh thấy ông G là người sử dụng diện tích đất này. Trên đất hiện nay anh đang trồng chuối cho gà ăn tuy nhiên anh không có đề nghị gì đối với số cây chuối anh đã trồng. Ngoài ra bờ tường rào ngăn cách giữa thửa đất nhà anh và thửa đất đang tranh chấp là do anh xây ngăn đất giữa hai nhà, anh không có yêu cầu gì.

***Người làm chứng ông Phạm Sơn H1 trình bày:***

Về nguồn gốc thửa đất hiện nay ông Đ và ông G đang tranh chấp tại thôn M, xã N là của bố mẹ ông H1 (là Phạm Văn B và Đặng Thị D) để lại cho vợ chồng ông nhưng không có giấy tờ gì. Đến năm 1978 vợ chồng ông có bán nhà cấp 4 cùng sân lẫn nền móng (tại thôn M xã N) cho ông Đ với số tiền là 1.800đ. Khi bán hai bên có viết giấy bán nhà cho nhau. Cũng trong năm 1978 vợ chồng ông đi làm ăn xây dựng kinh tế mới tại xã Q, huyện S đến nay và không về xã N để ở nữa. Tuy nhiên, sau khi ông bà bán nhà cho ông Đ ông bà có nghe nói là vợ chồng ông Đ ở tại ngôi nhà mua của vợ chồng ông bà một thời gian ngắn sau đó ông Đ dỡ bỏ ngôi nhà đi không ở đó nữa. Bản thân ông cũng không biết ông G đã vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này từ khi nào. Đến năm 2017 ông mới biết diện tích đất này đã vào trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ông G, nhưng ông không có ý kiến gì vì ông xác định vợ chồng ông bà đã để cho mẹ đẻ ông G (là bà Đặng Thị E đã mất). Ông xác định chỉ bán nhà không bán đất cho ông Đ.

Nay ông Đ và ông G tranh chấp quan điểm của vợ chồng ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

***Bà Phạm Thị T1 trình bày:*** Bà là chị gái của ông Phạm Văn G, về mối quan hệ trong gia đình bà xác định như ông G trình bày là đúng. Về nguồn gốc thửa đất hiện tại ông G đang ở và cả phần đất đang tranh chấp với ông Đ là của bố mẹ đẻ bà. Khi còn sống bà có nghe hai cụ nói cho ông G phần diện tích đất hiện ông G đang ở và cho ông H1 phần diện tích hiện ông G và ông Đ đang tranh chấp (bà không nhớ cụ thể năm nào), thửa đất trước đó là liền thổ. Thửa đất bố mẹ bà cho ông G và ông H1 có công đi giữa đất của ông Đ đang tranh chấp với ông G. Trước khi cho ông H1 bố mẹ bà đã xây dựng được một ngôi

nhà lợp lá và có xây tường xung quanh, khi đó ông H1 đang đi bộ đội. Khi ông H1 đi bộ đội về bà không nhớ rõ năm bao nhiêu nhưng bà thấy ông H1 có bán ngôi nhà lá cho ông Đ và không bán đất để vợ chồng lên xã Q sinh sống và ông H1 có giao lại cho mẹ bà trông coi. Sau này ông G làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả thửa đất của ông H1 được bố mẹ cho. Nay ông Đ khởi kiện ông G bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Bà Nguyễn Thị Tình trình bày:** Bà làm chủ tịch UBND xã N (trước đây gọi là Ủy ban hành chính) từ năm 1970 đến năm 1980 và làm Bí thư Đảng ủy xã từ năm 1979 đến năm 1981. Về nguồn gốc thửa đất hiện nay ông Đ và ông G đang tranh chấp tại thôn M, xã N có nguồn gốc của ông Phạm Văn B và bà Đặng Thị D để lại cho ông Phạm Sơn H1. Đến năm 1978 ông H1 đi di dân và có bán nhà cho ông Đ (là diện tích đất hiện nay ông Đ và ông G đang tranh chấp). Thời điểm bà làm chủ tịch thì ông Đ và ông H1 có ra Ủy ban xã để làm giấy xin bán nhà. Bà là người xác nhận vào giấy xin bán nhà giữa ông Đ và ông H1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 160; Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu ông Phạm Văn G trả lại diện tích đất trồng cây lâu năm là 119,2m<sup>2</sup>, số thửa 121.2, tờ bản đồ số 05 tại thôn M, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc ông Phạm Văn G phải tháo dỡ 02 gian chuồng gà, anh Việt phải chặt toàn bộ chuối trên diện tích đất này để trả lại cho ông Đ.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Văn G đối với phần đất trồng cây lâu năm của ông Đường.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 3 năm 2019, ông Phạm Văn G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trên cơ sở các tài liệu thu thập được nhận thấy nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trước đây là của cụ Phạm Văn B và cụ Đặng Thị D để lại cho con là ông Phạm Sơn H1. Đến năm 1978 vợ chồng ông H1, bà O đi làm ăn vùng kinh

tế mới có bán lại ông Đ 01 ngôi nhà 04 gian trên đất, bờ tường hai đốc, 01 nền sân gạch. Ông G, bà Loan xác nhận có việc năm 1978 ông Hải, bà Sơn là anh trai, chị dâu của ông bà đã bán ngôi nhà cấp bốn 04 gian cùng sân lẫn nền móng (tại thôn M xã N) cho ông Đ với số tiền ghi trong giấy bán nhà là 2.500đ. Tuy nhiên ông G cho rằng ông H1, bà O chỉ bán nhà còn diện tích đất ông H1 đã để lại cho mẹ ông là cụ E sử dụng để thờ cúng anh trai là liệt sỹ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và đánh giá chứng cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc ông G trả đất cho ông Đ nên ông G kháng cáo.

Xét kháng cáo của ông G nhận thấy: Theo quy định của Nhà nước năm 1978 người dân không được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới bất kỳ hình thức nào. Tuy nhiên việc bán nhà, sân gạch, tường hai đốc (trên diện tích đất 12 thước) giữa ông Đ và ông H1 phải được xác định đây là việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất theo hướng dẫn tại Thông tư liên ngành số 04/TTLN ngày 03/5/1990 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng cục quản lý ruộng đất về việc hướng dẫn giải quyết giải quyết các tranh chấp về tài sản gắn liền với sử dụng đất đai. Cụ thể sau khi thống nhất mua bán, hai bên có viết giấy bán nhà cho nhau và có xác nhận của UBND xã N, sau đó ông H1 đã giao nhà cho vợ chồng ông Đ sử dụng, ông Đ đã thanh toán đầy đủ tiền cho H1, như vậy hợp đồng đã được xác lập theo quy định tại phần II, mục 2.1, tiểu mục B.2 Nghị quyết số 02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuy nhiên diện tích đất ông H1 chuyển nhượng cho ông Đ hiện ông G đang quản lý nhưng chỉ có 02 gian chuồng gà và bờ tường xây ngăn cách giữa hai thửa đất, diện tích đất này thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông G. Lý giải việc đất tranh chấp có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G thì ông G xác định trước đó ông Đ cũng định để cho gia đình ông sử dụng nhưng không thống nhất được giá cả nên không thành. Riêng phần đất gia đình ông và hộ ông Đ đã có ranh giới và xây dựng ổn định không liên quan đến đất của ông Đ đã mua của ông H1. Như vậy, ông G đã thừa nhận diện tích đất của ông H1 đã bán cho ông Đ, xem xét thực tế xác định diện tích đất của gia đình ông G và gia đình ông Đ đã có ranh giới rõ ràng là bờ tường rào do chính ông G xây từ năm 1995 đến nay. Năm 2016, ông Đ xây bờ rào để giữ đất ông G cũng không có ý kiến gì. Khi làm thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đ không có mặt ở địa phương nên tự gia đình ông G đã kê khai toàn bộ diện tích đất này vào trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông là do sai sót của chính quyền địa phương

Với các chứng cứ như trên có cơ sở khẳng định ông Đ đã nhận chuyển nhượng đất của ông H1 hợp pháp, việc ông Đ khởi kiện yêu cầu ông G tháo dỡ 02 gian chuồng gà trên đất để trả lại cho ông Đ 119,2m<sup>2</sup> đất theo số đo thực tế là có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Giang.

Xác nhận diện tích đất 119,2m<sup>2</sup>, số thửa 121.2, tờ bản đồ số 05 tại thôn M, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc mà ông Đ và ông G đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ. Hiện nay đất của ông G được UBND huyện L cấp ngày 15/9/2001 có diện tích 325m<sup>2</sup> vì vậy cần kiến nghị UBND huyện L xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Giang đối với phần đất vườn (nay là đất trồng cây lâu năm) theo quy định của pháp luật.

[2] Về án phí: Ông Phạm Văn G được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại ông Nguyễn Văn Đ số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0001323 ngày 01/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 160; Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên bản Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L,.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đ về việc yêu cầu ông Phạm Văn G trả lại diện tích đất trồng cây lâu năm là 119,2m<sup>2</sup>, số thửa 121.2, tờ bản đồ số 05 tại thôn M, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc theo sơ đồ có các cạnh ABGHI (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Phạm Văn G phải tháo dỡ 02 gian chuồng gà, anh Phạm Văn V phải chặt toàn bộ chuỗi trên diện tích đất này để trả lại cho ông Đ

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Văn G đối với phần đất trồng cây lâu năm của ông Đường.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn G được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại ông Nguyễn Văn Đ số tiền 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0001323 ngày 01/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thị Thúy Mai**